

Số: 1114/TB-BVM

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 12 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thuốc bổ sung cho Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng trong thời gian chờ kết quả đấu thầu thuốc tập trung tại Sở Y tế giai đoạn 2024 – 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng
Địa chỉ: 68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS Phan Thị Minh Hà - Số điện thoại: 0702 761859
Email: khoaduocbvm2024@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá được niêm phong trong bì, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, 68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bản mềm (bản excel) gửi về địa chỉ email: khoaduocbvm2024@gmail.com.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 30 tháng 12 năm 2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục mời chào giá: Theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm.
- Biểu mẫu báo giá :
Theo mẫu Phụ lục 3 đối với các thuốc thuộc danh mục Thuốc Generic,
Theo mẫu Phụ lục 4 đối với các thuốc thuộc danh mục Thuốc Biệt dược gốc
Giá chào bao gồm tất cả các chi phí liên quan như thuế, chi phí vận chuyển, chi phí khác (nếu có)
Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu đơn vị, ghi rõ hiệu lực của báo giá.



Đơn vị báo giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý của bảng chào giá và các đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Rất mong sự quan tâm và hợp tác của Quý công ty./.

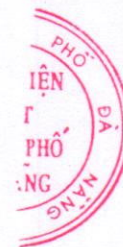
Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (để đăng Website);
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Lưu: VT, KD, TMS1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Ngọc Ánh





Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC THUỐC THUỐC GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	GEN1	Prednisolon acetat (natri phosphate)	G1 Nhóm 1	1%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.920
2	GEN2	Travoprost + timolol	G1 Nhóm 1	(0,04 mg/ml + 5 mg/ml); 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	276
3	GEN3	Aciclovir	G1 Nhóm 2	105mg/3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	470
4	GEN4	Aciclovir	G1 Nhóm 4	200mg	Uống	Viên	Viên	7.489
5	GEN5	Aluminium phosphat	G1 Nhóm 1	12,38g gel (Aluminium phosphat 20%)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	160
6	GEN6	Atropin sulfat	G1 Nhóm 4	10mg/ml; 0,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.970
7	GEN7	Brinzolamid + Timolol	G1 Nhóm 1	(10mg/ml + 5mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.456
8	GEN8	Carbomer	G1 Nhóm 1	0.2%; 10g	Nhỏ mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	176
9	GEN9	Cefpodoxim	G1 Nhóm 3	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	4.170
10	GEN10	Dexamethason	G1 Nhóm 4	3,33mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	4.187
11	GEN11	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	G1 Nhóm 1	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml; 5ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	300
12	GEN12	Diazepam	G1 Nhóm 1	10mg/2ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	7
13	GEN13	Enalapril	G1 Nhóm 2	5mg	Uống	Viên	Viên	1.114
14	GEN14	Ephedrin	G1 Nhóm 1	30mg/1ml; 1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	12
15	GEN15	Epinephrin (adrenalin)	G1 Nhóm 4	1mg/ 1ml; 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	610

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
16	GEN16	Fentanyl	G1 Nhóm 1	50mcg/ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	150
17	GEN17	Fluorouracil (5-FU)	G1 Nhóm 4	250mg/5ml; 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	69
18	GEN18	Furosemid	G1 Nhóm 4	20mg/2ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	346
19	GEN19	Gentamicin	G1 Nhóm 4	80mg/2ml; 2ml	Tiêm truyền tĩnh mạch - Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.025
20	GEN20	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	G1 Nhóm 1	0,08g (trong 10g khí dung)	Phun mù	Thuốc hít định . liều/phun mù định liều	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	3
21	GEN21	Huyết thanh kháng uốn ván	G1 Nhóm 4	1.500IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	172
22	GEN22	Indomethacin	G1 Nhóm 1	0,1%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	456
23	GEN23	Kali clorid	G1 Nhóm 1	600mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	11.652
24	GEN24	Levobupivacain	G1 Nhóm 4	50mg/10ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.400
25	GEN25	Lidocain hydroclorid	G1 Nhóm 4	2%; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	240
26	GEN26	Manitol	G1 Nhóm 4	20%; 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	192
27	GEN27	Methyl prednisolon	G1 Nhóm 4	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	335
28	GEN28	Methyl prednisolon	G1 Nhóm 4	4mg	Uống	Viên	Viên	5.172
29	GEN29	Midazolam	G1 Nhóm 1	5mg/1ml; 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	42
30	GEN30	Moxifloxacin + Dexamethason	G1 Nhóm 5	(0,5% +0,1%); 5ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	786
31	GEN31	Natamycin	G1 Nhóm 1	5%; 5ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	483

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
32	GEN32	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	G1 Nhóm 1	0,5%; 15ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.160
33	GEN33	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	G1 Nhóm 1	5mg/ml + 9mg/ml; 15ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.100
34	GEN34	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	G1 Nhóm 1	(5mg/ml + 9mg/ml); 0.4 ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	8.400
35	GEN35	Natri clorid	G1 Nhóm 4	0,9%; 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	141
36	GEN36	Natri clorid	G1 Nhóm 4	0,9%; 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	504
37	GEN37	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1 Nhóm 1	(3500IU/g + 6000IU/g + 1mg/g); 3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	222
38	GEN38	Nifedipin	G1 Nhóm 4	10 mg	Uống	Viên	Viên	740
39	GEN39	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	G1 Nhóm 4	1mg/ml; 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
40	GEN40	Nước cất pha tiêm	G1 Nhóm 4	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.044
41	GEN41	Ondansetron	G1 Nhóm 4	8mg/4ml; 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	168
42	GEN42	Paracetamol (acetaminophen)	G1 Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	viên	13.333
43	GEN43	Paracetamol (acetaminophen)	G1 Nhóm 4	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	360
44	GEN44	Pethidin	G1 Nhóm 1	50mg/ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2
45	GEN45	Polyethylen glycol + propylen glycol	G1 Nhóm 1	(0,4% + 0,3%); 5ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.677
46	GEN46	Prednisolon acetat (natri phosphate)	G1 Nhóm 1	1% w/v (10mg/ml); 5ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	450
47	GEN47	Ranibizumab	G1 Nhóm 1	2,3mg/0,23ml ; 0,23ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	300
48	GEN48	Ringer lactat	G1 Nhóm 4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.097

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
49	GEN49	Timolol	G1 Nhóm 1	0,5%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	794
50	GEN50	Tobramycin	G1 Nhóm 4	80mg/2ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5.237
51	GEN51	Tranexamic acid	G1 Nhóm 1	250 mg	uống	Viên	viên	2.118
52	GEN52	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	G1 Nhóm 1	(50mg/10ml + 50mg/10ml); 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	381
53	GEN53	Vancomycin	G1 Nhóm 4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	181
54	GEN54	Vitamin A	G1 Nhóm 4	5000 IU	Uống	Viên	Viên	42.300
55	GEN55	Vitamin B6 + magnesi lactat	G1 Nhóm 4	5mg + 470mg	Uống	Viên	Viên	25.220
56	GEN56	Acetazolamid	G1 Nhóm 4	250mg	uống	viên	viên	5.614
57	GEN57	Furosemid	G1 Nhóm 4	40mg	uống	viên	viên	70
58	GEN58	Proparacain hydroclorid	G1 Nhóm 1	0,5%-15ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	629
59	GEN59	Amphotericin B*	G1 Nhóm 5	50mg	tiêm, nhỏ mắt	Thuốc tiêm đông khô	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	53
60	GEN60	Atropin sulfat	G1 Nhóm 4	0,25mg/1ml; 1ml	tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	48
61	GEN61	Berberin (hydroclorid)	G1 Nhóm 4	50mg	uống	viên	Viên	25
62	GEN62	Calci gluconat	G1 Nhóm 2	10%-10ml	tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
63	GEN63	Ciprofloxacin	G1 Nhóm 4	200mg/100ml ; 100ml	tiêm	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	789
64	GEN64	Doxycyclin	G1 Nhóm 1	100mg	uống	viên	Viên	130

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
65	GEN65	Dopamin hydroclorid	G1 Nhóm 5	40mg/ml; 5ml	tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
66	GEN66	Rocuronium bromid	G1 Nhóm 1	10mg/ml; 5ml	tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
67	GEN67	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1 Nhóm 2	(35mg + 60.000IU + 10mg)/10ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	300
68	GEN68	Glucose	G1 Nhóm 4	5%; 500 ml	tiêm	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
69	GEN69	Alpha chymotrypsin	G1 Nhóm 4	21microkatal s hoặc 4,2 mg	uống	viên	Viên	4.845
70	GEN70	Itraconazol	G1 Nhóm 1	100 mg	uống	viên	viên	3.682
71	GEN71	Metoclopramid	G1 Nhóm 4	5mg/ml; 2ml	tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
72	GEN72	Natri clorid	G1 Nhóm 4	10%-250ml	tiêm	Thuốc tiêm truyền	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	6
73	GEN73	Neostigmin metylsulfat (bromid)	G1 Nhóm 4	0,5mg/ml; 1ml	tiêm	Thuốc tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	10
74	GEN74	Vitamin B1 + B6 + B12	G1 Nhóm 4	250mg + 250mg + 1000mcg	uống	viên	viên	2.400
75	GEN75	Nước cất pha tiêm	G1 Nhóm 4	500ml	tiêm	Thuốc Tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	562
76	GEN76	Ofloxacin	G1 Nhóm 4	200mg	uống	viên	Viên	420
77	GEN77	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1 Nhóm 4	(35.000IU + 60.000IU + 10mg)/10ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	300
78	GEN78	Suxamethonium clorid	G1 Nhóm 1	100mg	tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	10
79	GEN79	Hydroxypropyl methylcellulose	G1 Nhóm 1	0,3%/15ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	354
80	GEN80	Moxifloxacin	G1 Nhóm 1	0,5%-5ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	500
81	GEN81	Atropin sulfat	G1 Nhóm 5	0,5%- 0,5ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	360

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
82	GEN82	Methyl prednisolon	G1 Nhóm 4	40 mg	tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	175
83	GEN83	Vitamin E	G1 Nhóm 4	400 UI	uống	viên	viên	600
84	GEN84	Vitamin PP	G1 Nhóm 4	50 mg	uống	viên	viên	1.200
85	GEN85	Natri hyaluronat	G1 Nhóm 4	0,18%/12ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	534
86	GEN86	Nifedipin	G1 Nhóm 1	20 mg	uống	viên	viên	720
87	GEN87	Amlodipin + losartan	G1 Nhóm 2	5mg + 50mg	uống	viên	viên	720
88	GEN88	Brimonidin tartrat	G1 Nhóm 1	2mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	264
89	GEN89	Brinzolamid + Brimonidin tartrat	G1 Nhóm 1	(10 mg/ml + 2 mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	144
90	GEN90	Timolol	G1 Nhóm 5	5mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	312
91	GEN91	Tafluprost + Timolol	G1 Nhóm 1	(0,015 mg/ml + 5mg/ml) x (0,3ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	480
92	GEN92	Tafluprost + Timolol	G1 Nhóm 1	(0,015 mg/ml + 5mg/ml) x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	540
93	GEN93	Pilocarpin	G1 Nhóm 4	2%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	18
94	GEN94	Tetrahydrozoline Hydrochloride; Neostigmine Methylsulfate; Chlorpheniramine Maleate; Retinol Palmitate ; Pyridoxine Hydrochloride ; d- α-Tocopherol Acetate ; Potassium L- Aspartate	G1 Nhóm 5	1,5mg + 0,75mg + 4,5mg + 4500 IU + 6,0mg + 7,5mg + 150mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	6
95	GEN95	Cyclopentolate	G1 Nhóm 5	1%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	18

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
96	GEN96	Aciclovir	G1 Nhóm 4	400 mg	uống	viên	viên	3.000
97	GEN97	Aciclovir	G1 Nhóm 4	800mg	uống	viên	viên	1.500
98	GEN98	Cyclosporin	G1 Nhóm 4	0,1 %; 0,3ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	360
99	GEN99	Natri hyaluronat	G1 Nhóm 4	0,1 %; 0,4ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	600
100	GEN100	Fexofenadin	G1 Nhóm 4	180mg	uống	viên	viên	70
101	GEN101	Losartan	G1 Nhóm 3	50mg	uống	viên	viên	240



Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC THUỐC THUỘC GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	BDG1	Bimatoprost; Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	BDG	0.3mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.210
2	BDG2	Fluorometholon	BDG	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	900
3	BDG3	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	BDG	40mg	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đông khô pha tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	28
4	BDG4	Natri hyaluronat tinh khiết	BDG	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	724
5	BDG5	Bimatoprost	BDG	0,3mg/3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	264
6	BDG6	Brimonidine tartrate+ Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	BDG	(2mg+ 5mg)/ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.354
7	BDG7	Brinzolamide	BDG	10mg/ml	nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.492
8	BDG8	Cyclosporine	BDG	0,05% (0,5mg/g)	nhỏ mắt	Nhũ tương nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	3.780
9	BDG9	Diclofenac natri	BDG	75mg	uống	Viên nén phóng thích chậm	Viên	330
10	BDG10	Levofloxacin hydrat	BDG	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.626
11	BDG11	Levofloxacin hydrat	BDG	25mg/5ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.881
12	BDG12	Loteprednol etabonate	BDG	0,5% (5mg/ml)	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	96
13	BDG13	Methylprednisolone Hemisuccinat	BDG	125mg Methylprednisolon	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột vô khuẩn pha tiêm	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	10
14	BDG14	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	BDG	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	7.140
15	BDG15	Natri diquafosol	BDG	30mg/ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.368
16	BDG16	Natri hyaluronat tinh khiết	BDG	5mg/5ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	3.661



STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
17	BDG17	Nepafenac	BDG	1mg/1ml	nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.020
18	BDG18	Ofloxacin	BDG	15mg/5ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.166
19	BDG19	Olopatadine hydrochloride	BDG	0,20%	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	35
20	BDG20	Pirenoxin	BDG	0,25mg/5ml	nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	3.000
21	BDG21	Tafluprost	BDG	0,0375mg/2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	660
22	BDG22	Tafluprost	BDG	4,5mcg/0,3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.800
23	BDG23	Tobramycin	BDG	3mg/ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	150
24	BDG24	Tobramycin + Dexamethason	BDG	(3mg; 1mg)/ml	nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.524
25	BDG25	Travoprost	BDG	0,04mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	402
26	BDG26	Propofol	BDG	10mg/ml (Ống 20ml)	tiêm	Nhũ tương tiêm/truyền tĩnh mạch	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	204
27	BDG27	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	BDG	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides 10,0g; Soya-bean oil 10,0g	tiêm	Nhũ tương tiêm truyền tĩnh mạch	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5
28	BDG28	Methylprednisolone	BDG	16mg	uống	viên nén	viên	1.082
29	BDG29	Ofloxacin	BDG	0,30%	tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	589
30	BDG30	Sevoflurane	BDG	250ml	đường hô hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	30
31	BDG31	Bromfenac natri hydrat	BDG	1mg/1ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	120



Phụ lục 3
MẪU BÁO GIÁ
BÁO GIÁ⁽¹⁾

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 114 /TB-BVM ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /TB-BVM ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng thuộc Gói thầu Thuốc Generic như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng liên quan:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất (theo Thông báo)	Nồng độ hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Phân nhóm theo Thông tư 07/2024 /TT-BYT	Số đăng ký hoặc số giấy phép nhập khẩu	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá	Đơn giá trúng thầu	Số quyết định trúng thầu	Ngày ban hành quyết định trúng thầu	Nơi ban hành quyết định trúng thầu	Số IB thông báo mời thầu của Kết quả trúng thầu được tham khảo
1																		
2																		
3																		
4																		
5																		

2. Báo giá này có hiệu lực: tối thiểu 90 ngày, kể từ thời gian kết thúc nhận báo giá.

3. Chúng tôi cam kết :

*Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

*Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

*Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾

(Ký tên và đóng dấu)



Phụ lục 4
MẪU BÁO GIÁ
BÁO GIÁ⁽¹⁾

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 1114 /TB-BVM ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /TB-BVM ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng thuộc Gói thầu Thuốc Biệt dược gốc như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng liên quan:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất (theo Thông báo)	Nồng độ hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Phân nhóm theo Thông tư 07/2024 /TT-BYT	Số đăng ký hoặc số giấy phép nhập khẩu	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá	Đơn giá trúng thầu	Số quyết định trúng thầu	Ngày ban hành quyết định trúng thầu	Nơi ban hành quyết định trúng thầu	Số IB thông báo mời thầu của Kết quả trúng thầu được tham khảo
1																		
2																		
3																		
4																		
5																		

2. Báo giá này có hiệu lực: tối thiểu 90 ngày, kể từ thời gian kết thúc nhận báo giá.

3. Chúng tôi cam kết :

*Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

*Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

*Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾

(Ký tên và đóng dấu)